

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 1595 /UBND-TTHCC

V/v triển khai thực hiện Công
văn số 500/TTg-KSTT của
Thủ tướng Chính phủ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 09 tháng 5 năm 2025

Kính gửi:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (*Ủy ban nhân dân cấp xã (mới) sau sắp xếp đơn vị hành chính*).

Thực hiện Công văn số 500/TTg-KSTT ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân định thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) của chính quyền cấp huyện; Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (*Ủy ban nhân dân cấp xã (mới) sau sắp xếp đơn vị hành chính*)

Tiếp tục thực hiện nghiêm việc trình công bố, công khai và tổ chức thực hiện TTHC trên địa bàn tỉnh theo đúng chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 646/UBND-TTHCC ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc triển khai thực hiện Công văn số 219/TTg-KSTT của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh kịp thời rà soát trình công bố danh mục TTHC thực hiện trên địa bàn tỉnh ngay khi có Quyết định công bố TTHC của Bộ, ngành (*gửi kèm theo danh mục 346 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của chính quyền cấp huyện để biết*).

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã (mới) thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết TTHC theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 Điều 10 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Khẩn trương hoàn thành việc rà soát, xây dựng phương án thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh bảo đảm mục tiêu Chính phủ giao trong năm 2025.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Tiếp tục phối hợp với đơn vị cho thuê dịch vụ công nghệ thông tin đảm bảo các tính năng kỹ thuật của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh phục vụ

công tác tiếp nhận, giải quyết TTHC được liên tục, thông suốt, hiệu quả, không bị gián đoạn trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính.

- Theo dõi, đôn đốc việc triển khai các nhiệm vụ liên quan đến thực hiện TTHC cho người dân, doanh nghiệp trong thời gian sắp xếp đơn vị hành chính; kịp thời tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đối với những nội dung vượt thẩm quyền.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương, nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (*báo cáo*);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (*đ/b*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + CVP và các PCVP;
 - + Các phòng, đơn vị trực thuộc VP UBND tỉnh;
 - + Trung tâm PVHCC tỉnh.
- Lưu: VT, TTHCC.VTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP HUYỆN

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
I. Bộ Nội vụ: 58 TTHC		
1	1.001257	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
2	1.004964	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chia.
3	1.005201	Thủ tục xem xét, chi trả chi phí cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe.
4	1.005358	Thủ tục thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe cấp huyện.
5	1.010774	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước.
6	1.010775	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006.
7	1.010777	Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”.
8	1.010778	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”.
9	1.010781	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh.

- 10 1.010783 Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.
- 11 1.010788 Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.
- 12 1.010803 Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.
- 13 1.010804 Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.
- 14 1.010805 Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an.
- 15 1.010810 Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an.
- 16 1.010811 Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý.
- 17 1.010812 Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý.
- 18 1.010814 Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ.
- 19 1.010816 Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.
- 20 1.010817 Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.
- 21 1.010818 Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày.
- 22 1.010819 Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.
- 23 1.010820 Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.
- 24 1.010821 Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- 25 1.010824 Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần.
- 26 1.010825 Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.
- 27 1.010829 Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.
- 27 1.010830 Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.
- 28 1.010832 Thăm viếng mộ liệt sĩ.
- 29 1.011548 Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động.
- 30 1.011550 Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh.
- 31 1.012299 Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP).
- 32 1.012300 Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP).
- 33 1.012301 Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý.
- 34 1.012381 Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện huyện theo công trạng (Cấp huyện).
- 35 1.012383 Thủ tục tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” (Cấp huyện).
- 36 1.012385 Thủ tục tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" (Cấp huyện).
- 37 1.012386 Thủ tục tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" (Cấp huyện).
- 38 1.012387 Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo chuyên đề (Cấp huyện).
- 39 1.012389 Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất (Cấp huyện).
- 40 1.012390 Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng cho hộ gia đình (Cấp huyện).
- 41 1.012939 Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội (cấp huyện).
- 42 1.012940 Thủ tục thành lập hội (cấp huyện).

- 43 1.012941 Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội (cấp huyện).
- 44 1.012949 Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội (cấp huyện).
- 45 1.012950 Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (cấp huyện).
- 46 1.012951 Thủ tục hội tự giải thể (cấp huyện).
- 47 1.012952 Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn (cấp huyện).
- 49 1.013024 Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (cấp huyện).
- 50 1.013025 Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ (cấp huyện).
- 51 1.013026 Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ (cấp huyện).
- 52 1.013027 Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (cấp huyện).
- 53 1.013028 Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động (cấp huyện).
- 54 1.013029 Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ (cấp huyện).
- 55 1.013030 Thủ tục quỹ tự giải thể (cấp huyện).
- 56 2.002303 Lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý .
- 57 2.002307 Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh.
- 58 2.002308 Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp.

II Bộ Nông nghiệp và Môi trường: 55 TTHC

- 59 1.000045 Xác nhận bảng kê lâm sản.
- 60 1.000047 Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên.

- 61 1.001645 Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện).
- 62 1.001662 Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất.
- 63 1.003347 Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện.
- 64 1.003434 Hỗ trợ dự án liên kết (cấp huyện).
- 65 1.003456 Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).
- 66 1.003459 Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).
- 67 1.003471 Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện.
- 68 1.003605 Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện).
- 69 1.003956 Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý).
- 70 1.004478 Công bố mở cảng cá loại 3.
- 71 1.004498 Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý).
- 72 1.007919 Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.
- 73 1.009482 Công nhận khu vực biển cấp huyện.
- 74 1.009483 Giao khu vực biển cấp huyện.
- 75 1.009484 Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cấp huyện.
- 76 1.009485 Trả lại khu vực biển cấp huyện.
- 77 1.009486 Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển cấp huyện.
- 78 1.010723 Cấp giấy phép môi trường (cấp Huyện).

- 79 1.010724 Cấp đổi giấy phép môi trường (cấp Huyện).
- 80 1.010725 Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Huyện).
- 81 1.010726 Cấp lại giấy phép môi trường (cấp Huyện).
- 82 1.011471 Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- 83 1.012531 Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân.
- 84 1.012694 Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân.
- 85 1.012695 Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng.
- 86 1.012771 Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân.
- 87 1.012773 Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân.
- 88 1.012774 Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là cá nhân.
- 89 1.012775 Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân.
- 90 1.012776 Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân.
- 91 1.012777 Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân.

- 92 1.012778 Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân.
- 93 1.012779 Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là cá nhân.
- 94 1.012780 Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở.
- 95 1.012796 Đình chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót.
- 96 1.012806 Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân.
- 97 1.012807 Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư.
- 98 1.012809 Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư.
- 99 1.012810 Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân.

- 100 1.012811 Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp huyện.
- 101 1.012814 Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất.
- 102 1.012816 Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông.
- 103 1.012817 Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004.
- 104 1.012818 Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi.
- 105 1.012819 Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất.
- 106 1.012836 Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước.
- 107 1.012837 Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước.
- 108 1.012849 Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện.
- 109 1.012850 Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện.
- 110 1.012922 Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng.
- 111 2.001627 Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.

- 112 3.000154 Thủ tục hải quan đối với gỗ nhập khẩu.
- 113 3.000250 Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái.

III Bộ Giáo dục và Đào tạo: 48 TTHC

- 114 1.000288 Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia.
- 115 1.001000 Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.
- 116 1.001622 Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo.
- 117 1.001639 Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học).
- 118 1.001714 Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục.
- 119 1.002407 Xét, cấp học bổng chính sách.
- 120 1.003702 Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người.
- 121 1.004438 Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.
- 122 1.004552 Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại.
- 123 1.004563 Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học.
- 124 1.005090 Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú.
- 125 1.005092 Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc.
- 126 1.005099 Chuyển trường đối với học sinh tiểu học.
- 127 1.005108 Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở.
- 128 1.005143 Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài.
- 129 1.006390 Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục.

- 130 1.006444 Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại.
- 131 1.006445 Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ.
- 132 1.008724 Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.
- 133 1.008725 Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.
- 134 1.008950 Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.
- 135 1.008951 Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp.
- 136 1.010590 Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập.
- 137 1.010591 Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập.
- 138 1.010592 Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập.
- 139 1.012961 Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ.
- 140 1.012962 Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường).
- 141 1.012963 Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học.
- 142 1.012964 Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở.
- 143 1.012965 Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục.
- 144 1.012966 Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại.

- 145 1.012967 Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở.
- 146 1.012968 Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường).
- 147 1.012969 Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng.
- 148 1.012970 Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại.
- 149 2.001842 Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục.
- 150 2.001904 Tiếp nhận đối tượng học bỏ túc trung học cơ sở.
- 151 2.001914 Chính sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ.
- 152 2.001960 Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.
- 153 2.002284 Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.
- 154 2.002481 Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.
- 155 2.002482 Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước.
- 156 2.002483 Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài.
- 157 2.002594 Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện.
- 158 3.000182 Tuyển sinh trung học cơ sở.
- 159 3.000307 Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng.
- 160 3.000308 Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm).
- 161 3.000309 Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở.

IV Bộ Tài chính: 37 TTHC

- 162 1.001266 Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh.
- 163 1.001570 Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh.
- 164 1.001612 Đăng ký thành lập hộ kinh doanh.
- 165 1.004901 Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- 166 1.004979 Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập.
- 167 1.004982 Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- 168 1.005010 Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- 169 1.005277 Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập.
- 170 1.005280 Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất.
- 171 1.005377 Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.
- 172 1.005378 Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- 173 1.012995 Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư.
- 174 1.012996 Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ.
- 175 1.013040 Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.
- 176 2.000575 Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.
- 177 2.000720 Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh.

- 178 2.001958 Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- 179 2.001973 Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- 180 2.002123 Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh.
- 181 2.002635 Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.
- 182 2.002636 Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo.
- 183 2.002637 Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023.
- 184 2.002638 Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy.
- 185 2.002639 Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác.
- 186 2.002640 Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác.
- 187 2.002641 Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác.
- 188 2.002642 Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác.
- 189 2.002643 Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- 190 2.002644 Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.
- 191 2.002645 Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- 192 2.002646 Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.
- 193 2.002648 Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- 194 2.002649 Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- 195 2.002650 Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- 196 3.000325 Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.
- 197 3.000326 Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại.
- 198 3.000327 Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

V Bộ xây dựng: 36 TTHC

- 199 1.002662 Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.
- 200 1.003141 Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.
- 201 1.003658 Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa.
- 202 1.003930 Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.
- 203 1.003970 Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.
- 204 1.004002 Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.
- 205 1.004036 Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.
- 206 1.004047 Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa.
- 207 1.004088 Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa.
- 208 1.005040 Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung.

- 209 1.006391 Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.
- 210 1.008455 Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.
- 211 1.009444 Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa.
- 212 1.009447 Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa.
- 213 1.009452 Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa.
- 214 1.009453 Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính.
- 215 1.009454 Công bố hoạt động bến thủy nội địa.
- 216 1.009455 Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính.
- 217 1.012888 Công nhận Ban quản trị nhà chung cư.
- 218 1.013061 Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.
- 219 1.013225 Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.
- 220 1.013226 Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.
- 221 1.013227 Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.
- 222 1.013228 Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai

đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.

- 223 1.013229 Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.
- 224 1.013232 Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.
- 225 1.013234 Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh.
- 226 1.013239 Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh.
- 227 2.001211 Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.
- 228 2.001212 Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.
- 229 2.001214 Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.
- 230 2.001215 Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu.
- 231 2.001217 Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát.
- 232 2.001218 Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát.
- 233 2.001659 Xóa đăng ký phương tiện.
- 234 2.001711 Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.

VI Bộ Tư pháp: 33 TTHC

- 235 1.000893 Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.
- 236 1.001669 Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài.
- 237 1.001695 Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài.
- 238 1.001766 Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài.
- 239 1.005462 Phục hồi danh dự (cấp huyện).
- 240 2.000424 Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải.
- 241 2.000497 Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài.
- 242 2.000513 Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài.
- 243 2.000522 Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài.
- 244 2.000528 Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài.
- 245 2.000547 Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch).
- 246 2.000554 Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.
- 247 2.000635 Cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- 248 2.000748 Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc.
- 249 2.000756 Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài.
- 250 2.000779 Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài.
- 251 2.000806 Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài.
- 252 2.000815 Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt

Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.

- 253 2.000884 Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được).
- 254 2.000908 Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc.
- 255 2.000913 Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch.
- 256 2.000927 Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch.
- 257 2.000942 Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực.
- 258 2.000992 Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp.
- 259 2.001008 Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật.
- 260 2.001044 Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản.
- 261 2.001050 Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản.
- 262 2.001052 Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản.
- 263 2.002189 Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.
- 264 2.002190 Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp huyện).
- 265 2.002349 Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi.
- 266 2.002363 Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.
- 267 2.002516 Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch.

VII Bộ Y tế: 25 TTHC

- 268 1.000669 Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế.
- 269 1.000684 Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Y tế cấp.
- 270 1.001731 Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội.
- 271 1.001739 Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp.
- 272 1.001753 Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
- 273 1.001758 Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.
- 274 1.001776 Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng.
- 275 1.002995 Thanh toán chi phí Khám bệnh, chữa bệnh một số trường hợp giữa cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh và cơ quan Bảo hiểm xã hội.
- 276 1.003034 Ký Hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bổ sung chức năng, nhiệm vụ, phạm vi chuyên môn, cấp chuyên môn kỹ thuật trong việc thực hiện khám bệnh, chữa bệnh.
- 277 1.003048 Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế lần đầu.
- 278 1.004944 Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em.
- 279 1.004946 Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.
- 280 1.010938 Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.
- 281 1.010939 Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.
- 282 1.010940 Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

- 283 2.000062 Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Y tế.
- 284 2.000282 Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.
- 285 2.000286 Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.
- 286 2.000294 Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế.
- 287 2.000298 Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Y tế.
- 288 2.000477 Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.
- 289 2.000744 Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng.
- 290 2.000777 Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc.
- 291 2.001252 Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế hằng năm.
- 292 2.001661 Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân.

VIII Bộ Công Thương: 21 TTHC

- 293 1.000473 Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- 294 1.001279 Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.
- 295 1.012568 Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý.
- 296 2.000150 Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- 297 2.000162 Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- 298 2.000181 Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- 299 2.000599 Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- 300 2.000615 Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu.
- 301 2.000620 Cấp Giấy phép bán lẻ rượu.
- 302 2.000629 Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.
- 303 2.000633 Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.
- 304 2.001240 Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu.
- 305 2.001261 Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.
- 306 2.001270 Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.
- 307 2.001283 Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.
- 308 2.002096 Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.
- 309 2.002742 Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- 310 2.002743 Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- 311 2.002744 Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- 312 2.002745 Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- 313 2.002746 Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

IX Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 11 TTHC

- 314 1.000831 Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp huyện.
- 315 1.000903 Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp huyện.
- 316 1.003635 Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện.
- 317 1.003645 Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện.

- 318 1.008898 Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng.
- 319 1.008899 Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng.
- 320 1.008900 Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng.
- 321 2.001786 Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.
- 322 2.001880 Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.
- 323 2.001884 Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.
- 324 2.001885 Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.

X Bộ Dân tộc và Tôn giáo: 10 TTHC

- 325 1.012222 Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.
- 326 1.012223 Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.
- 327 1.012593 Thủ tục Thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (cấp huyện).
- 328 1.012596 Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện (cấp huyện).
- 329 1.012598 Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện (cấp huyện).

- 330 1.012599 Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện (cấp huyện).
- 331 1.012600 Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện (cấp huyện).
- 332 1.012601 Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện (cấp huyện).
- 333 1.012602 Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện (cấp huyện).
- 334 1.012603 Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 điều 41 của luật tín ngưỡng, tôn giáo (cấp huyện).

XI Thanh tra Chính phủ: 09 TTHC

- 335 1.010944 Thủ tục tiếp công dân tại cấp huyện.
- 336 2.002395 Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp huyện.
- 337 2.002400 Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập.
- 338 2.002401 Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập.
- 339 2.002402 Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình.
- 341 2.002403 Thủ tục thực hiện việc giải trình.
- 341 2.002408 Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện.
- 342 2.002412 Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện.
- 343 2.002500 Thủ tục xử lý đơn tại cấp huyện.

XII Bộ Công an: 02 TTHC

- 344 1.012537 Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ.
- 345 1.012538 Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ.

XIII Bộ Quốc phòng: 01 TTHC

- 346 1.013128 Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền, trên sông, trên biển.